TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MS** **TỈNH S LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày: 02-8- 2023
V/v tranh chấp lối đi chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MS, TỈNH S LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Quân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đức Việt
2. Ông Bùi Nguyên Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh S La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 và ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp lối đi chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 và các quyết định tạm ngừng phiên tòa, hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết S sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị B sinh năm 1973, địa chỉ: Xóm 2, Tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh S La. Có mặt;

- Bị đơn:

1. Hộ gia đình bà Trần Thị S, vắng mặt;
2. Hộ gia đình bà Nguyễn Thị H, vắng mặt;
3. Hộ gia đình bà Đoàn Thị S1, vắng mặt;
4. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Sứng, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Xóm 2, Tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh S La.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hộ ông Hoàng Văn Phượng,
2. Hộ ông Lê Duy Tiến, vắng mặt;
3. Hộ bà Nguyễn Thị B, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Xóm 2, tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh S La;

4. Hộ ông Giang Văn Qu, vắng mặt;
5. Hộ bà Nguyễn Thị T, có mặt.
Cùng địa chỉ: Xóm 2, Tiểu khu 14, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh S La.
6. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1950, địa chỉ: Số 62/253 Hưng Yên Phường Lộc Vượng, TP Nam Định, Nam Định.
7. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957, địa chỉ: Tiểu khu 8, xã Nà Bó, huyện MS, tỉnh S La;
8. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1959, địa chỉ: Đội 4, Đông Nanh, Tiên PH, CH Mỹ, Hà Nội;

Bà Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Thị T đã ủy quyền toàn bộ việc giải quyết tranh chấp liên quan đến ngõ đi chung liền kề với thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Viết D, bà Nguyễn Thị M ngày 01/12/2005 tại tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh S La cho ông Nguyễn Viết S, bà Nguyễn Thị B theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22/07/2022.
9. Ông Nguyễn Viết M, sinh năm 1964. Địa chỉ: Husova 786/19, Plzen, Cộng hòa Séc. Ông M đã ủy quyền toàn bộ việc giải quyết tranh chấp ngõ đi chung cho bà Nguyễn Thị B theo Hợp đồng ủy quyền ngày 09/9/2022 (Hợp đồng đã được Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Séc chứng nhận).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày như sau:

Bố mẹ ông Nguyễn Viết S mất và để lại cho vợ chồng ông bà Nguyễn Viết S, Nguyễn Thị B mảnh đất và vườn cây. Đất thuộc thửa 26, 26 (1) tờ bản đồ F48-101-17 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 324455, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01040 theo Quyết định số 1293/QĐ-UB ngày 02/12/2005 của UBND huyện MS cho ông Nguyễn Viết D, bà Nguyễn Thị M. Năm 1981, ông D, bà M đã làm nhà ở trên đất. Trước nhà có một lối đi bộ trên bờ ao giữa gia đình và nhà bà Nhưng để đi lại sang thông gia và sang nương rẫy. Sau nhà có đường đi 2,5m gia đình vẫn sử dụng đi lại chính cùng với các hộ dân khác cho đến bây giờ.

Đầu năm 2020 khi nhà cũ bố mẹ bị hư hỏng, ông bà đã làm nhà mới, đổ đất lấp ao. Để thuận tiện về việc đi lại nên gia đình có ý định đi lại trên con đường xóm trước nhà. Gia đình đã đi trao đổi với 09 hộ gia đình của xóm đã đóng góp tiền làm đường theo dự án năm 20A Nhà nước và nhân dân cùng làm để gia đình được đi chung trên đường xóm. Ông bà được biết thời điểm làm đường các hộ trên mỗi hộ đóng góp 7.500.000VNĐ để làm đường như hiện tại. Có 04/9 hộ không đồng ý cho gia đình được đi với lý do họ tự nhận là đường của họ. Khi gia đình ông bà đổ đất vào ao thì 04 hộ bà S, ông X, bà S1 và bà H mang sắt

thép hàn kiên cố chắn ngang hết phần đất của gia đình ông bà. Chuyển dịch lại cột điện thẳng với vị trí gia đình đang muốn mở cổng và bẻ gập cột điện cũ vào chắn ngang cổng mà gia đình đã sử dụng từ trước để đi sang thông gia. Ngày 08/4/2020 gia đình bà S1 và cô Thắm (con bà S) ra trồng tại vị trí đã hàn rào sắt. Ông S có ra ngăn cản dẫn đến hai bên có to tiếng với nhau, gia đình bà đã quay lại video của sự việc.

Con đường xóm được hình thành cũng có một phần là đất của bố mẹ ông bà đã hiến để mở đường đi rộng như hiện tại từ thời điểm trường Sư phạm còn nằm trên địa bàn tiểu khu A, thị trấn HL.

Ông bà khởi kiện ra Tòa án yêu cầu 04 hộ gia đình bà S, bà H, bà S1 và ông X phải tự gỡ bỏ hàng rào thép kiên cố tiếp giáp hết phần đất của gia đình ông bà với con đường xóm để gia đình được mở cổng để đi chung trên con đường công cộng đó. Yêu cầu xem xét kiểm tra lại độ rộng của con đường công cộng 4,5m để xác định hộ nào lấn chiếm đường theo quy định của Nhà nước.

Tại phiên tòa ngày 02/8/2023, nguyên đơn rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu xác định độ rộng con đường xóm là 4,5m và xác định hộ nào là người lấn đường xóm.

Bị đơn hộ bà Đoàn Thị S1 – đại diện là ông Đoàn Văn Trịnh có ý kiến như sau tại biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2022:

Gia đình ông mua đất và làm nhà sống tại tiểu khu A, thị trấn HL từ năm 1992 cho đến nay. Gia đình có 06 nhân khẩu chủ hộ là ông Đoàn Văn Trịnh, vợ là Đoàn Thị S1, con Đoàn Thanh Tùng, con dâu Nguyễn Thị Giang và 02 cháu Đoàn Quốc Bảo và Đoàn Quốc Cường. Khi gia đình ông mới đến ở xóm thì đường xóm chỉ rộng đủ để một xe to quay đầu, các hộ chỉ rào cây sống quanh đất của mình. Đến năm 20A khi Nhà nước có chủ trương cho xi măng để nhân dân làm đường bê tông xóm thì 09 hộ gồm gia đình ông, nhà H Chất, nhà bà S, nhà ông X, nhà ông Phượng, nhà ông Tiến, nhà B Nam, nhà ông bà Thắng Vinh và nhà ông Hải đã góp tiền và công để đổ đường bê tông xóm như hiện tại. Ban đầu ông Chất có đi nói nhà B S góp chung tiền làm đường xóm nhưng gia đình không tham gia cùng. Ông không đồng ý để gia đình B S để đi trên con đường xóm vì gia đình B S đã có đường đi ở ngõ khác từ trước đến nay đều đi trên đường đó. Thứ hai vì bà B có cách cư xử không được lòng hàng xóm láng giềng, có thái độ thách thức và coi thường mọi người. Thời điểm làm đường bê tông thì mỗi hộ đóng góp khoảng hơn 10 triệu đồng, ông cũng không nhớ chính xác con số cụ thể. Khoảng năm 2016-2017 thì nhà B S có làm hàng rào lấn vào đường xóm, các ông đã đưa ra tiểu khu thì gia đình B S có nhận lùi rào vào nhưng không thực hiện nên các ông đã làm rào lại ngăn việc gia đình B S tiếp tục lấn vào đất xóm. Ngoài ra trước kia gia đình B S có ao tiếp giáp với đường xóm nên rào lại cũng là để đảm bảo an toàn cho trẻ con và đi lại của mọi người được an toàn. Ông sẽ không tham gia làm việc tại Tòa án dù được triệu tập.

Bị đơn hộ bà Nguyễn Thị H- đại diện ông Cao Sỹ Chất tại biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2022 có ý kiến:

Bố mẹ vợ ông là ông Nguyễn Văn Ngôn và bà Nguyễn Thị Nụ (đều đã mất) là người sống lâu năm tại tiểu khu A, thị trấn HL. Năm 2000, ông và vợ con chuyển lên sống tại tiểu khu A cho đến nay. Hiện gia đình ông chỉ có 02 nhân khẩu là ông và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (chủ hộ). Khi gia đình ông mới đến ở xóm thì đường xóm chỉ là đường đất, các hộ chỉ rào cây sống quanh đất của mình. Đến năm 20A khi Nhà nước có chủ trương cho xi măng để nhân dân làm đường bê tông xóm thì 09 hộ gồm gia đình ông, nhà Trịnh S1, nhà bà S, nhà ông X, nhà ông Phượng, nhà ông Tiến, nhà B Nam, nhà ông bà Thắng Vinh và nhà ông Hải đã góp tiền và công để đổ đường bê tông xóm như hiện tại. Bản thân đã đi trao đổi với gia đình B S để góp tiền làm đường xóm đi chung nhưng nhà B S không đồng ý. Ông không đồng ý để gia đình B S được đi trên đường xóm hiện tại vì hai lý do: Thứ nhất gia đình B S từ trước đến nay đều đi đường chính vào nhà ở ngõ khác. Thứ hai, cách cư xử của bà B luôn thách thức và coi thường hàng xóm không chấp nhận được.Thời điểm làm đường bê tông thì mỗi hộ đóng góp khoảng hơn 10 triệu đồng, ông cũng không nhớ chính xác con số cụ thể. Khoảng năm 2016-2017 thì nhà B S có làm hàng rào lấn vào đường xóm, các ông đã đưa ra tiểu khu thì gia đình B S có nhận lùi rào vào nhưng không thực hiện nên các ông đã làm rào lại ngăn việc gia đình B S tiếp tục lấn vào đất xóm. Ngoài ra trước kia gia đình B S có ao tiếp giáp với đường xóm nên rào lại cũng là để đảm bảo an toàn cho trẻ con và đi lại của mọi người được an toàn. Ông sẽ không tham gia làm việc tại Tòa án dù được triệu tập.

Bị đơn ông Nguyễn Văn X tại biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2022 có ý kiến:

Gia đình ông chuyển đến sống tại tiểu khu A, thị trấn HL từ năm 1991 cho đến nay. Gia đình có 04 nhân khẩu ông (chủ hộ), vợ là bà Nguyễn Thị Thanh sinh năm 1973 và 02 con là Nguyễn Minh Hoàng và Nguyễn Mai Hà.

Khi gia đình ông mới đến ở xóm thì đường xóm chỉ là đường đất, các hộ chỉ rào cây sống quanh đất của mình. Đến năm 20A khi Nhà nước có chủ trương cho xi măng để nhân dân làm đường bê tông xóm thì 09 hộ gồm gia đình ông, nhà Trịnh S1, nhà bà S, nhà ông X, nhà ông Phượng, nhà ông Tiến, nhà B Nam, nhà ông bà Thắng Vinh và nhà ông Hải đã góp tiền và công để đổ đường bê tông xóm như hiện tại. Bản thân đã đi trao đổi với gia đình B S để góp tiền làm đường xóm đi chung nhưng nhà B S không đồng ý. Ông không đồng ý để gia đình B S được đi trên đường xóm hiện tại vì hai lý do: Thứ nhất gia đình B S từ trước đến nay đều đi đường chính vào nhà ở ngõ khác. Thứ hai, cách cư xử của bà B luôn thách thức và coi thường hàng xóm không chấp nhận được.Thời điểm làm đường bê tông thì mỗi hộ đóng góp khoảng hơn 10 triệu đồng, ông cũng không nhớ chính xác con số cụ thể. Khoảng năm 2016-2017 thì nhà B S có làm

hàng rào lấn vào đường xóm, các ông đã đưa ra tiểu khu thì gia đình B S có nhận lùi rào vào nhưng không thực hiện nên các ông đã làm rào lại ngăn việc gia đình B S tiếp tục lấn vào đất xóm. Ngoài ra trước kia gia đình B S có ao tiếp giáp với đường xóm nên rào lại cũng là để đảm bảo an toàn cho trẻ con và đi lại của mọi người được an toàn. Ông sẽ không tham gia làm việc tại Tòa án dù được triệu tập.

Bị đơn bà Trần Thị S tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2023 có ý kiến:

Bà sinh sống tại xóm 2 tiểu khu A thị trấn HL từ năm 1976 cho đến nay. Thời điểm đó thì bố mẹ ông S là ông Nguyễn Viết D, bà Nguyễn Thị M đã ở tại xóm. Lúc đó đường xóm chỉ là đường đất, ông D, bà M có mở một lối đi nhỏ cạnh bờ ai để đi thăm hàng xóm và lên nương nhà mình còn đường đi chính vẫn là ngõ đi như hiện tại. Bà không nhớ chính xác năm nào các hộ dân góp tiền làm đường xóm như hiện tại chỉ nhớ mỗi hộ góp khoảng 10 triệu đồng, có 09 hộ góp tiền gồm bà, nhà H Chất, nhà Trịnh S1, nhà Thanh X, nhà ông Phượng, nhà ông Quang, nhà ông Hải và nhà B Nam. Khi nhà S B làm nhà mới mới đổ đất lấp ao cạnh đường xóm và muốn đi trên đường xóm. Ông S có sang nhà bà để xin đi chung nhưng bà không đồng ý vì lý do xóm đã đông hộ mỗi khi làm vệ sinh xóm gọi nhau rất khó, đường đi từ trước của nhà B S vẫn là ngõ trên chỉ có 04 hộ thì cứ tiếp tục đi trên đường đó. TRước khi nhà S B lấp ao cạnh đường xóm để đảm bảo an toàn cho trẻ con và ô tô đỗ thì các hộ đã góp tiền làm rào sắt. Do bà tuổi đã cao nên không thể tham gia làm việc tại Tòa án được đề nghị giải quyết vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hộ ông Giang Hồng Quang có ý kiến:

Ông sinh sống tại tiểu khu A, thị trấn HL từ bé. Từ những năm 1975 thì khu vực xóm 2 tiểu khu A chỉ có một hộ sinh sống là nhà ông Giốc, nhà ông Ngôn, nhà ông Oánh và nhà bố mẹ ông (ông bà Vinh Thắng) và nhà ông bà D, M. Thời điểm đó đường xóm chỉ là đường mòn để đi nương của các hộ, các hộ tự nguyện hiến đất để làm đường đi chung. Đến năm 20A thì các hộ dân sống trong xóm (09 hộ) mới góp tiền để đổ đường bê tông như hiện tại. Hộ nhà ông ở trong cùng có đóng góp hơn 10 triệu còn các hộ khác đóng góp thế nào ông không được biết. Thời điểm làm đường xóm có mời nhà B S đóng góp làm đường cùng không thì ông cũng không rõ. Sau này gia đình B S có đề nghị xóm cho đi cùng trên đường bê tông đã đổ thì gia đình tôi cũng đồng ý chứ không có ý kiến gì khác. Dù đã qua nhiều lần hòa giải cơ sở nhưng 04 hộ nhà bà S, nhà H Chất, nhà Trịnh S1 và nhà Thanh X vẫn không đồng ý cho đi cùng. Ông xác nhận từ thời điểm gia đình ông sống tại tiểu khu A thì nhà ông bà D M đã có 02 đường đi ra ngoài. Tại vị trí đường xóm đã góp tiền làm đường bê tông như hiện tại thì gia đình ông bà D M có một lối đi nhỏ để đi lên nương và thăm hàng xóm.

Còn việc các hộ nào mua rào sắt về chắn ngang lối đi này của nhà B S thì ông không được biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hộ bà Nguyễn Thị Tuyết có ý kiến:

Bà là con gái thứ tư của ông Nguyễn Viết D, bà Nguyễn Thị M. Bố mẹ bà có một mảnh đất được UBND huyện MS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tiểu khu A, thị trấn HL vào ngày 02/12/2005, với diện tích 2.105 m^2 gồm thửa 26 và 26(1) tờ bản đồ F48-101-125-17. Mảnh đất có hai lối đi chung ra đường công cộng, một lối rộng 2,5m (gia đình sử dụng làm lối đi chính) và một lối đi sang nương và sang hàng xóm. Bố mẹ bà mất để lại mảnh đất trên cho em trai bà là ông Nguyễn Viết S và vợ là bà Nguyễn Thị B sử dụng. Năm 20A có dự án làm đường bê tông xóm Nhà nước và nhân dân cùng làm con đường 4,5m như hiện tại. Có 09 hộ đóng góp để cùng làm con đường bê tông xóm, mỗi hộ đóng góp khoảng 7.500.000VNĐ, bà là người đi họp và nộp tiền cho hộ gia đình bố mẹ chồng. Thời điểm đó con đường 2,5m có 04 hộ gia đình cùng đi chung nhưng chỉ có 02 hộ nhất trí đóng tiền làm đường do số tiền đóng góp quá lớn nên không làm được đường bê tông mà vẫn giữ nguyên hiện trạng sử dụng như hiện tại. Đầu năm 2020, ông S, bà B làm lại nhà, đổ đất lấp ao nên thấy đi ra đường 4,5m thuận lợi hơn nên đặt vấn đề với 09 hộ đã đóng góp tiền làm đường để xin đi và có nghĩa vụ đóng góp tiền tiền làm đường. 04/9 hộ (nhà Trịnh S1, nhà Thanh X, nhà H Chất và bà S) không đồng ý cho đi và mang sắt, đổ bê tông rào con đường mà gia đình vẫn đi sang xóm.

Con đường xóm rộng 4,5m như hiện nay có một nửa là do bố mẹ bà đã hiến đất cùng trường Sư phạm làm, trước kia con đường chỉ vừa một xe bò đi. Đến năm 20A thì mới làm con đường bê tông như hiện nay. Bà xét thấy đề nghị của gia đình S B được đi trên con đường này là hoàn toàn chính đáng đề nghị được Tòa án xem xét, giải quyết theo yêu cầu của nhà S B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hộ bà Nguyễn Thị B, hộ ông Lê Văn Tiến, hộ ông Hoàng Văn Phượng không có ý kiến và không có đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đến quyền lợi trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện MS đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng con đường đang có tranh chấp giữa các đương sự, lấy lời khai bị đơn, người liên quan. Xác minh về nguồn gốc con đường xóm đang có tranh chấp...

Trong quá trình giải quyết vụ án do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia làm việc nên không thể tiến hành hòa giải được, nguyên đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS, tỉnh S La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng

dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; các đồng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có mặt để làm việc.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 4, Điều 5, Điều 170, Điều 179, Điều 203 Luật đất đai năm 20A;

Điều 169, 176 Bộ luật dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. quy định về mức thu, M, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Viết S về việc buộc các hộ đồng bị đơn (hộ bà Trần Thị S, hộ bà Nguyễn Thị H, hộ bà Đoàn Thị S1 và hộ ông Nguyễn Văn X) phải tháo dỡ cột điện xóm bị bẻ cong, các thanh sắt hộp được hàn chắn ngang vào các cột điện xóm và các cọc sắt V5 giữ các thanh sắt, nhổ bỏ các hàng cây lưỡi hổ trên đường xóm phía ngoài rào thép B40 của gia đình bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Viết S tại ngách 1, ngõ 145 đường Bản Dôm thuộc xóm 2, tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh S La).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định đường xóm rộng 4,5m và ai là người lấn đất.

Về án phí và chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Viết S yêu cầu hộ bà Trần Thị S, hộ bà Nguyễn Thị H, hộ bà Đoàn Thị S1 và hộ ông Nguyễn Văn X tháo dỡ hàng rào thép tiếp giáp với phần đất của gia đình bà B ông S đã gia đình được đi lại trên con đường chung của xóm. Vụ án đã được hòa giải tại cơ sở nhưng không thành. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015,

Điều 203 Luật đất đai năm 20A thì Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ là tranh chấp về lối đi chung là có căn cứ đúng với quy định của pháp luật.

[1.2] Về tư cách những người tham gia tố tụng:

Về tư cách của nguyên đơn: Ông S, bà B hiện đang sinh sống trên đất của bố mẹ đẻ ông S để lại (ông Nguyễn Viết D, bà Nguyễn Thị M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 324455, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01040 theo Quyết định số 1293/QĐ-UB ngày 02/12/2005 của UBND huyện MS). Ông D chết ngày 05/5/2003, bà M chết ngày 07/8/2010, không để lại di chúc. Tất cả các đồng thừa kế của ông D, bà M là bà Nguyễn Thị Vân, bà Nguyễn Thị Liên, bà Nguyễn Thị Lâm, bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Nguyễn Viết Minh đều có giấy ủy quyền hợp lệ cho bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Viết S khởi kiện tại Tòa án về quyền được đi chung trên con đường xóm với tư cách là nguyên đơn trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn tòa án có xác định hộ bà Trần Thị S, hộ bà Đoàn Thị S1, hộ ông Nguyễn Văn X và hộ bà Nguyễn Thị H là đồng bị đơn trong vụ án. Lối đi chung ngoài các đồng bị đơn sử dụng còn có 05 hộ khác cùng sử dụng và có đóng góp tiền làm đường bê tông như hiện tại gồm hộ ông Hoàng Văn Phượng, hộ bà Nguyễn Thị B, hộ ông Lê Văn Tiến, hộ bà Nguyễn Thị Tuyết và hộ ông Giang Văn Quang. Xét việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có liên quan đến quyền lợi của 05 hộ trên nên Tòa án xác định các hộ trên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã lấy lời khai của đại diện các hộ đồng bị đơn (bà Trần Thị S, ông Cao Sỹ Chất, ông Nguyễn Văn X và ông Đoàn Văn Trịnh) đều có ý kiến không tham gia làm việc tại Tòa án và từ chối nhận các văn bản tống đạt của Tòa án. Các hộ có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều từ chối nhận các văn bản tống đạt của Tòa án, không có ý kiến về nội dung vụ án đang có tranh chấp cũng không có đề nghị Tòa án giải quyết quyền lợi trong vụ án. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc lối đi chung đang có tranh chấp:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguồn gốc con đường xóm đang có tranh chấp trong vụ án là con đường được hình thành từ những năm 1975-1976 (theo lời khai của bà Trần Thị S, ông Giang Văn Quang). Các hộ đồng bị đơn ông Nguyễn Văn X, ông Đoàn Văn Trịnh, ông Cao Sỹ Chất đều xác nhận đã có con đường đi chung từ trước khi các hộ về sống tại xóm 2 tiểu khu A, thị trấn HL. Trước kia là đường đất, các hộ chỉ trồng cây sống để xác định ranh giới đất của nhà mình. Năm 20A khi được Nhà nước hỗ trợ xi măng để làm đường bê tông xóm thì 09 hộ dân sử dụng con đường đi chung đó đã cùng nhau

góp tiền làm đường bê tông như hiện tại là ngách 1 ngõ 145 đường bản Dôm thuộc xóm 2 tiểu khu A, thị trấn HL, MS, S La.

Năm 2020, khi nhà ông S, bà B làm nhà mới lên ở trên đất của bố mẹ (ông Nguyễn Viết D, bà Nguyễn Thị M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 324455, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01040 theo Quyết định số 1293/QĐ-UB ngày 02/12/2005 của UBND huyện MS) có mở lối đi ra đường bê tông xóm 4,5m thì 04 hộ đồng bị đơn không đồng ý cho đi và đã mua thép về rào chắn ngang phía ngoài rào của gia đình. Tranh chấp đã được tiểu khu A và UBND thị trấn HL hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Hiện nay qua xem xét thẩm định tại chỗ: phần lối đi có tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn thuộc một phần ngách 1, ngõ 145 đường bản Dôm, có chiều dài là 35,54m (được đánh dấu tại ba điểm A, B, C trong Phụ lục đo đạc hiện trạng đường bê tông đang có tranh chấp của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh S La). Nguyên đơn rào thép B40 xung quanh diện tích đất của gia đình mình. Phía ngoài rào thép B40, các hộ đồng bị đơn rào chắn ngang B sắt hộp.

[2.2] Về yêu cầu và các căn cứ khởi kiện của nguyên đơn

[2.2.1] Đối với yêu cầu được đi chung trên con đường xóm và buộc các hộ đồng bị đơn phải tháo dỡ toàn bộ rào sắt trên đường xóm chắn ngang dải đất của nhà B S.

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xác định ông Nguyễn Viết D, bà Nguyễn Thị M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 324455, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01040 theo Quyết định số 1293/QĐ-UB ngày 02/12/2005 của UBND huyện MS) gồm 02 thửa: 26 và 26 (1) tờ bản đồ F48-101-125-17. Mảnh đất của gia đình có 02 lối đi chung ra đường công cộng. Từ năm 1981, ông D, bà M làm nhà cấp bốn để sinh sống và chăm sóc vườn cây và đi trên đường công cộng 2,5m để tiện cho việc chăm sóc vườn. Sau khi ông D, bà M mất thì giao lại đất đai nhà ở cho ông S, bà B quản lý, sử dụng. Năm 2020, ông S, bà B làm nhà mới và mở lối đi phía trước đường xóm 4,5m đã đổ bê tông. Gia đình ông bà đã chủ động đến gặp 09 hộ đang sử dụng con đường chung này để xin đóng góp kinh phí làm đường để được đi chung thì 04 hộ đồng bị đơn không đồng ý và tự mua sắt thép về rào chắn ngang hết dải đất và trước cổng đi của gia đình. Sau đó tiếp tục trồng cây lưỡi hổ bên ngoài chắn ngang trước vị trí định mở cổng của gia đình đến hết thửa đất.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định, chiều dài đất gia đình B S đang sử dụng tiếp giáp với con đường bê tông đang có tranh chấp là 35,54 m, đã được rào B thép B40 được đánh dấu B ba điểm A, B, C theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh S La.

Từ vị trí điểm A, B, C đến mép đường bê tông đã đổ gần nhất lần lượt là 1,41m; 0,83m và 0,85m.

Phía bên ngoài rào thép B40 của gia đình B S, 04 hộ đồng bị đơn đã bẻ cột điện xóm cũ (tại vị trí điểm C) vào phía cột điện xóm mới và hàn hai thanh sắt hộp kéo dài áp sát vào các thân cột điện xóm. Khoảng giữa hai cột điện có cắm thêm các cọc sắt V5 để giữ thanh sắt chắn ngang.

Khoảng cách từ rào thép B40 đến vị trí rào sắt tại điểm A, B, C lần lượt là 0,54m; 0,5m; 0,26m.

Tại phần đường xóm chưa được đổ bê tông tiếp giáp với rào thép B40 của nhà B S thì các hộ bị đơn đã trồng cây lưỡi hổ kín đất sau khi đổ bê tông đường như hiện tại.

Xét ý kiến của đại diện các hộ bị đơn (ông Cao Sỹ Chất, ông Nguyễn Văn X, ông Đoàn Văn Trịnh và bà Trịnh Thị S1) cho việc việc rào chắn ngang đất của nhà S B với lý do để bảo vệ không cho trẻ con chơi ngã xuống ao phía trước nhà S B tiếp giáp với đường xóm là không có căn cứ vì tại thời điểm nhà S B có đơn khởi kiện ra Tòa án ao đã được san lấp, nhà S B cũng đã rào xung quang phần đất của gia đình B thép B40.

Đường xóm cũng là đường đi chung có từ khi các hộ dân đến sinh sống nên không có ai có quyền ngăn cản hay hạn chế quyền được đi chung trên con đường này. Việc nhà S B có một lối đi khác vẫn sử dụng từ trước là đường xóm 2,5m không liên quan đến yêu cầu được đi chung trên con đường xóm đang có tranh chấp.

Việc đóng góp tiền để làm con đường bê tông như hiện tại các hộ đã góp tiền được quyền yêu cầu gia đình S B có trách nhiệm đóng góp. Tuy nhiên bốn hộ bị đơn không có ý kiến cụ thể cũng không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đề nghị gì cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án. Các đương sự được quyền khởi kiện trong vụ án khác khi có yêu cầu.

Vì các căn cứ trên xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được đi chung trên con đường xóm phía trước nhà là có căn cứ. Hành vi rào chắn ngang dải đất và trồng cây lưỡi hổ ngay sát chân rào của nhà S B trên đường xóm gây khó khăn cho việc đi lại của nhà S B của các đồng bị đơn là hành vi cản trở trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Dân sự: *" Chủ sở hữu bất động sản chỉ được dựng cột mốc, hàng rào, trồng cây, xây tường ngăn trên phần đất thuộc quyền sử dụng của mình"*. Căn cứ vào Điều 169 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc các hộ đồng bị đơn có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ rào sắt chắn ngang dải đất của nhà S B với chiều dài 35,54 m và nhổ bỏ toàn bộ cây lưỡi hổ được trồng bên dưới rào sắt.

[2.2.2] Đối với yêu cầu xác định đường xóm rộng 4,5m và ai là người lấn đường xóm. Tại phiên tòa ngày 02/8/2023, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên các đồng bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 300.000VNĐ. Bà Trần Thị S là người cao tuổi nên được M tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.610.000VNĐ, nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ cho Tòa án và chi phí xong nên các đồng bị đơn có trách nhiệm hoàn lại số tiền 3.610.000VNĐ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 4, Điều 5, Điều 170, Điều 179, Điều 203 Luật đất đai năm 20A; Điều 169, 176 Bộ luật dân sự 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, M, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Viết S về việc buộc các hộ đồng bị đơn (hộ bà Trần Thị S, hộ bà Nguyễn Thị H, hộ bà Đoàn Thị S1 và hộ ông Nguyễn Văn X) phải tháo dỡ cột điện xóm bị bẻ cong, các thanh sắt hộp được hàn chắn ngang vào các cột điện xóm và các cọc sắt V5 giữ các thanh sắt, nhổ bỏ các hàng cây lưỡi hổ trên đường xóm phía ngoài rào thép B40 của gia đình bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Viết S tại ngách 1, ngõ 145 đường Bản Dôm thuộc xóm 2, tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh S La).

(Có sơ đồ hiện trạng lối đi đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/5/2023)

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định đường xóm rộng 4,5m và ai là người lấn đất.

2. Về án phí:

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS theo biên lai số AA/2021/0002374 ngày 23/02/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS.

Các hộ đồng bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000VNĐ (tương ứng mỗi hộ phải chịu 75.000 VNĐ (bảy mươi

lăm nghìn đồng). Riêng bà Trần Thị S là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm).

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.610.000đ, nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ cho Tòa án và chi phí xong nên các đồng bị đơn có trách nhiệm hoàn lại số tiền 3.610.000VNĐ cho nguyên đơn (tương ứng mỗi hộ phải chịu số tiền là 902.500 VNĐ).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tỉnh S La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Minh Quân